TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 22/7/2019.
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

***- Thư ký phiên toà*:** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc: "*Xin ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ranh Hạt, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Anh **Lê Văn C** (tên gọi khác: Quý Bình), sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Số 8, xã SK, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Văn C sau một thời gian tìm hiểu và quyết định đi tới hôn nhân, được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới vào tháng 4 năm 2018 nhưng do không am hiểu pháp luật nên anh chị không có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn trong Cộc sống của vợ chồng. Nguyên nhân chủ yếu là do anh C không quan tâm lo lắng cho chị, anh C chỉ quan tâm lo lắng cho gia đình bên chồng. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, chị T cảm thấy không còn tình cảm với anh Lê Văn C nữa. Mặc dù chị T đã hết lòng khuyên bảo nhưng anh C vẫn không thay đổi. Hiện tại anh chị đã ly thân từ nhiều tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh C không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Văn C

- Về con chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Lê Văn C: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh C vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Văn C là vợ chồng. Về con chung: chị T trình bày giữa chị và anh C trong quá trình chung sống với nhau không có con chung nên miễn xét, về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Văn C. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Lê Văn C nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018, tuy gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Việc này đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *…1.“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…”.*

Như vậy: việc chị T và anh Lê Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Văn C không có giá trị pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Mặt khác, qua quá trình làm việc tại Tòa án chị T trình bày sau khi chung sống với nhau một thời gian thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, hiện tại chị và anh C đã sống ly thân với nhau và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Do đó việc chị T yêu cầu HĐXX không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị và C là vợ chồng là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa chị T quá trình chung sống chị và anh Lê Văn C không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nên HĐXX miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ ai hoặc cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Văn C là vợ chồng.

2/. Về con chung : Chị T trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

3/. Về tài sản chung và nợ chung : Chị T trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002365 ngày 20/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Trần Thị Cẩm T không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An